

# PHƯƠNG HƯỚNG TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN – ĐHQG TP HCM NĂM 2026 (Dự kiến)

## 1. Phương thức tuyển sinh

### Phương thức 1:

**Phương thức 1a (Mã phương thức xét tuyển: 301):** Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT về việc ban hành quy chế tuyển sinh đại học chính quy ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ GD&ĐT và Thông tư số 06/2025/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 3 năm 2025 của Bộ trưởng về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non. (thông báo sau)

**Phương thức 1b (Mã phương thức xét tuyển: 410):** Xét tuyển dành cho thí sinh có quốc tịch nước ngoài và tốt nghiệp THPT của nước ngoài dựa trên kết quả học tập THPT của thí sinh. Phương thức này **chỉ dành cho các chương trình đào tạo theo đề án (chương trình tiên tiến, chương trình tăng cường tiếng Anh)**. (thông báo sau)

### Phương thức 2 (Mã phương thức xét tuyển: 500):

Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh (ĐHQG-HCM) tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12 (thông báo sau)

## 2. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

- Tất cả điểm tổ hợp của kết quả điểm thi THPT 2026, điểm tổ hợp của học bạ, kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 sẽ **được chuẩn hóa về thang điểm 30** khi áp dụng vào công thức kết hợp. **Điểm trúng tuyển sẽ được chuẩn hóa và công bố ở mức điểm theo quy định của ĐHQG-HCM** (chi tiết xem thông báo cho từng phương thức của Trường).
- Ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào của các phương thức sẽ được thông báo theo kế hoạch tuyển sinh của Bộ GD&ĐT.

## 3. Chỉ tiêu tuyển sinh

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN  | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)  |
|-----|--------------------|-----------------------|---------------|--|--|
| 1   | 7420101            | Sinh học              | 215           | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.</p> | <p>A02: Toán – Vật lý – Sinh học</p> <p>B00: Toán – Hóa học – Sinh học</p> <p>B03: Toán – Ngữ Văn – Sinh học</p> <p>B08: Toán – Tiếng Anh – Sinh học</p> <p>X15: Toán – Công nghệ công nghiệp – Sinh học</p> <p>X16: Toán – Công nghệ nông nghiệp – Sinh học</p> |

| STT | MÃ NGÀNH<br>XÉT TUYỂN | TÊN<br>NGÀNH,<br>NHÓM<br>NGÀNH                           | CHỈ<br>TIÊU<br>2026 | PHƯƠNG<br>THỨC<br>XÉT<br>TUYỂN   | MÃ – TỔ<br>HỢP XÉT<br>TUYỂN HỌC<br>BẠ / ĐIỂM<br>THI THPT<br>2026)  |
|-----|-----------------------|--|---------------------|--|--|
| 2   | 7420101_DKD           | Sinh học<br>(Chương<br>trình tăng<br>cường<br>tiếng Anh) | 90                  | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 1b:</b> Xét tuyển dành cho thí sinh có quốc tịch nước ngoài.</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với</p> | <p>A02: Toán – Vật lý – Sinh học</p> <p>B00: Toán – Hóa học – Sinh học</p> <p>B03: Toán – Ngữ Văn – Sinh học</p> <p>B08: Toán – Tiếng Anh – Sinh học</p> <p>X15: Toán – Công nghệ công nghiệp – Sinh học</p> <p>X16: Toán – Công nghệ nông nghiệp – Sinh học</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN   | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)  |
|-----|--------------------|-----------------------|---------------|---|--|
|     |                    |                       |               | điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.  |  |
| 3   | 7420201            | Công nghệ Sinh học    | 200           | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ</p> | <p>A02: Toán – Vật lý – Sinh học</p> <p>B00: Toán – Hóa học – Sinh học</p> <p>B03: Toán – Ngữ Văn – Sinh học</p> <p>B08: Toán – Tiếng Anh – Sinh học</p> <p>X15: Toán – Công nghệ công nghiệp – Sinh học</p> <p>X16: Toán – Công nghệ nông nghiệp – Sinh học</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH                                  | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN   | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)  |
|-----|--------------------|--|---------------|---|--|
|     |                    |  |               | 03 năm lớp 10, 11, 12.  |  |
| 4   | 7420201_DKD        | Công nghệ Sinh học (Chương trình tăng cường tiếng Anh) | 160           | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 1b:</b> Xét tuyển dành cho thí sinh có quốc tịch nước ngoài</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ</p> | <p>A02: Toán – Vật lý – Sinh học</p> <p>B00: Toán – Hóa học – Sinh học</p> <p>B03: Toán – Ngữ Văn – Sinh học</p> <p>B08: Toán – Tiếng Anh – Sinh học</p> <p>X15: Toán – Công nghệ công nghiệp – Sinh học</p> <p>X16: Toán – Công nghệ nông nghiệp – Sinh học</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH                          | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN   | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)  |
|-----|--------------------|--|---------------|---|--|
|     |                    |  |               | chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.  |  |
| 5   | 7440102_DKD        | Vật lý học (Chương trình tăng cường tiếng Anh) | 140           | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 1b:</b> Xét tuyển dành cho thí sinh có quốc tịch nước ngoài</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh</p> <p>A02: Toán – Vật lý – Sinh học</p> <p>A03: Toán – Vật lý – Lịch Sử</p> <p>C01: Toán – Vật lý – Ngữ Văn</p> <p>X06: Toán – Vật lý – Tin học</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH  | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN  | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)  |
|-----|--------------------|--|---------------|--|--|
|     |                    |  |               | <p>kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.</p>  |  |
| 6   | 7440102_NN         | <p>Nhóm ngành Vật lý học (CT: 150), Công nghệ Vật lý điện tử và tin học (CT: 70)</p> | 220           | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh</p> <p>A02: Toán – Vật lý – Sinh học</p> <p>A03: Toán – Vật lý – Lịch Sử</p> <p>C01: Toán – Vật lý – Ngữ Văn</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH   | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN  | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)  |
|-----|--------------------|---|---------------|--|--|
|     |                    |   |               | thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.  | X06: Toán – Vật lý – Tin học   |
| 7   |                    | Công nghệ Vật lý điện tử và tin học (Chương trình tăng cường tiếng Anh) (dự kiến) | 60            | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 1b:</b> Xét tuyển dành cho thí sinh có quốc tịch nước ngoài</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh</p> <p>A02: Toán – Vật lý – Sinh học</p> <p>A03: Toán – Vật lý – Lịch Sử</p> <p>C01: Toán – Vật lý – Ngữ Văn</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN  | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)  |
|-----|--------------------|-----------------------|---------------|--|--|
|     |                    |                       |               | thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.        | X06: Toán – Vật lý – Tin học   |
| 8   |                    | Công nghệ bán dẫn     | 70            | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh</p> <p>A02: Toán – Vật lý – Sinh học</p> <p>A03: Toán – Vật lý – Lịch Sử</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN   | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)  |
|-----|--------------------|-----------------------|---------------|---|--|
|     |                    |                       |               | <p>ngành THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.</p>                 | <p>C01: Toán – Vật lý – Ngữ Văn<br/>X06: Toán – Vật lý – Tin học</p>   |
| 9   | 7440112            | Hoá học               | 230           | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học<br/>B00: Toán – Hóa học – Sinh học<br/>C02: Toán – Hóa học – Ngữ văn<br/>D07: Toán – Hóa học – Tiếng Anh<br/>X11: Toán – Hóa học –</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH                       | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN   | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)   |
|-----|--------------------|---|---------------|---|---|
|     |                    |   |               | THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.  | Công nghệ công nghiệp<br>X12: Toán – Hóa học – Công nghệ nông nghiệp  |
| 10  | 7440112_DKD        | Hóa học (Chương trình tăng cường tiếng Anh) | 150           | <b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT<br><b>Phương thức 1b:</b> Xét tuyển dành cho thí sinh có quốc tịch nước ngoài<br><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa | A00: Toán – Vật lý – Hóa học<br>B00: Toán – Hóa học – Sinh học<br>C02: Toán – Hóa học – Ngữ văn<br>D07: Toán – Hóa học – Tiếng Anh<br>X11: Toán – Hóa học – |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN  | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)   |
|-----|--------------------|-----------------------|---------------|--|---|
|     |                    |                       |               | <p>trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.</p> | <p>Công nghệ công nghiệp<br/>X12: Toán – Hóa học – Công nghệ nông nghiệp</p>                              |
| 11  | 7440122            | Khoa học Vật liệu     | 150           | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương</p>   | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học<br/>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh<br/>B00: Toán – Hóa học – Sinh học</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH                                 | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN   | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)  |
|-----|--------------------|---|---------------|---|--|
|     |                    |   |               | thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12. | C01: Toán – Ngữ văn – Vật lý<br>C02: Toán – Hóa học – Ngữ văn<br>D07: Toán – Hóa học – Tiếng Anh |
| 12  | 7440122_DKD        | Khoa học Vật liệu (Chương trình tăng cường tiếng Anh) | 80            | <b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT<br><b>Phương thức 1b:</b> Xét tuyển dành cho thí sinh  | A00: Toán – Vật lý – Hóa học<br>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh<br>B00: Toán – Hóa học – Sinh học |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH                                       | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN   | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)   |
|-----|--------------------|---|---------------|---|---|
|     |                    |   |               | <p>có quốc tịch nước ngoài</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.</p> | <p>C01: Toán – Ngữ văn – Vật lý</p> <p>C02: Toán – Hóa học – Ngữ văn</p> <p>D07: Toán – Hóa học – Tiếng Anh</p> |
| 13  | 7440201_NN         | Nhóm ngành Địa chất học (CT: 40), Kinh tế đất đai (CT: 100) | 140           | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét</p>  | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>A07: Toán – Lịch sử – Địa lý</p>   |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN  | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)  |
|-----|--------------------|-----------------------|---------------|--|--|
|     |                    |                       |               | <p>tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.</p> | <p>C01: Toán – Ngữ văn – Vật lý</p> <p>C04: Toán – Ngữ văn – Địa lý</p> <p>D01: Toán – Ngữ văn – Tiếng Anh</p> <p>D10: Toán – Địa lý – Tiếng Anh</p> |
| 14  | 7440228            | Hải dương học         | 50            | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét</p>   | A00: Toán – Vật lý – Hóa học   |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH                                       | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN  | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)  |
|-----|--------------------|---|---------------|--|--|
|     |                    |   |               | <p>tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.</p> | <p>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh</p> <p>A02: Toán – Vật lý – Sinh học</p> <p>A03: Toán – Vật lý – Lịch Sử</p> <p>C01: Toán – Vật lý – Ngữ Văn</p> <p>X06: Toán – Vật lý – Tin học</p> |
| 15  | 7440228_DKD        | Hải dương học (Chương trình tăng cường tiếng Anh) (dự kiến) | 40            | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét</p>   | A00: Toán – Vật lý – Hóa học   |

| STT | MÃ NGÀNH<br>XÉT TUYỂN | TÊN<br>NGÀNH,<br>NHÓM<br>NGÀNH | CHỈ<br>TIÊU<br>2026 | PHƯƠNG<br>THỨC<br>XÉT<br>TUYỂN   | MÃ – TỔ<br>HỢP XÉT<br>TUYỂN HỌC<br>BẠ / ĐIỂM<br>THI THPT<br>2026)  |
|-----|-----------------------|--------------------------------|---------------------|--|--|
|     |                       |                                |                     | <p>tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 1b:</b> Xét tuyển dành cho thí sinh có quốc tịch nước ngoài</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.</p> | <p>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh</p> <p>A02: Toán – Vật lý – Sinh học</p> <p>A03: Toán – Vật lý – Lịch Sử</p> <p>C01: Toán – Vật lý – Ngữ Văn</p> <p>X06: Toán – Vật lý – Tin học</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN  | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)   |
|-----|--------------------|-----------------------|---------------|--|---|
| 16  | 7440301            | Khoa học Môi trường   | 125           | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>B00: Toán – Sinh học – Hóa học</p> <p>D07: Toán – Hóa học – Tiếng Anh</p> <p>B08: Toán – Sinh học – Tiếng Anh</p> <p>X10: Toán – Hóa học – Tin học</p> <p>X14: Toán – Sinh học – Tin học</p> |

| STT | MÃ NGÀNH<br>XÉT TUYỂN | TÊN<br>NGÀNH,<br>NHÓM<br>NGÀNH  | CHỈ<br>TIÊU<br>2026 | PHƯƠNG<br>THỨC<br>XÉT<br>TUYỂN  | MÃ – TỔ<br>HỢP XÉT<br>TUYỂN HỌC<br>BẠ / ĐIỂM<br>THI THPT<br>(2026)  |
|-----|-----------------------|---|---------------------|---|---|
| 17  | 7440301_DKD           | Khoa học<br>Môi<br>trường<br>(Chương<br>trình tăng<br>cường<br>tiếng Anh) | 80                  | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 1b:</b> Xét tuyển dành cho thí sinh có quốc tịch nước ngoài</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>B00: Toán – Sinh học – Hóa học</p> <p>D07: Toán – Hóa học – Tiếng Anh</p> <p>B08: Toán – Sinh học – Tiếng Anh</p> <p>X10: Toán – Hóa học – Tin học</p> <p>X14: Toán – Sinh học – Tin học</p> |

| STT | MÃ NGÀNH<br>XÉT TUYỂN | TÊN<br>NGÀNH,<br>NHÓM<br>NGÀNH  | CHỈ<br>TIÊU<br>2026 | PHƯƠNG<br>THỨC<br>XÉT<br>TUYỂN   | MÃ – TỔ<br>HỢP XÉT<br>TUYỂN HỌC<br>BẠ / ĐIỂM<br>THI THPT<br>(2026)   |
|-----|-----------------------|---|---------------------|--|--|
|     |                       |   |                     | điểm học bạ<br>03 năm lớp<br>10, 11, 12.   |  |
| 18  | 7460101_NN            | Nhóm<br>ngành<br>Toán học<br>(Toán học,<br>Toán ứng<br>dụng,<br>Toán tin) | 180                 | <p><b>Phương<br/>thức<br/>1a:</b> Tuyển<br/>thắng và ưu<br/>tiên xét<br/>tuyển theo<br/>Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương<br/>thức 2:</b> Xét<br/>tuyển dựa<br/>trên phương<br/>thức kết hợp<br/>kết quả kỳ<br/>thi tốt<br/>nghề<br/>THPT năm<br/>2026 hay<br/>kết quả kỳ<br/>thi đánh giá<br/>năng lực do<br/>ĐHQG-<br/>HCM tổ<br/>chức năm<br/>2026 theo<br/>ngành/nhóm<br/>ngành với<br/>điểm học bạ</p> | <p>A00: Toán –<br/>Vật lý – Hóa<br/>học</p> <p>A01: Toán –<br/>Vật lý – Tiếng<br/>Anh</p> <p>B00: Toán –<br/>Hóa học – Sinh<br/>học</p> <p>B08: Toán –<br/>Sinh học –<br/>Tiếng Anh</p> <p>D01: Toán –<br/>Ngữ Văn –<br/>Tiếng Anh</p> <p>X06: Toán –<br/>Vật lý – Tin<br/>học</p> |

| STT | MÃ NGÀNH<br>XÉT TUYỂN | TÊN<br>NGÀNH,<br>NHÓM<br>NGÀNH  | CHỈ<br>TIÊU<br>2026 | PHƯƠNG<br>THỨC<br>XÉT<br>TUYỂN  | MÃ – TỔ<br>HỢP XÉT<br>TUYỂN HỌC<br>BẠ / ĐIỂM<br>THI THPT<br>(2026)   |
|-----|-----------------------|---|---------------------|---|--|
|     |                       |   |                     | 03 năm lớp<br>10, 11, 12.   |  |
| 19  | 7460112_DKD           | Toán ứng<br>dụng<br>(Chương<br>trình tăng<br>cường<br>tiếng Anh)<br>(dự kiến) | 40                  | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 1b:</b> Xét tuyển dành cho thí sinh có quốc tịch nước ngoài</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh</p> <p>B00: Toán – Hóa học – Sinh học</p> <p>B08: Toán – Sinh học – Tiếng Anh</p> <p>D01: Toán – Ngữ Văn – Tiếng Anh</p> <p>X06: Toán – Vật lý – Tin học</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH                                  | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN   | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)  |
|-----|--------------------|--|---------------|---|--|
|     |                    |  |               | chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.  |  |
| 20  | 7460117_DKD        | Toán tin (Chương trình tăng cường tiếng Anh) (dự kiến) | 40            | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 1b:</b> Xét tuyển dành cho thí sinh có quốc tịch nước ngoài</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh</p> <p>B00: Toán – Hóa học – Sinh học</p> <p>B08: Toán – Sinh học – Tiếng Anh</p> <p>D01: Toán – Ngữ Văn – Tiếng Anh</p> <p>X06: Toán – Vật lý – Tin học</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH                                 | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN  | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)  |
|-----|--------------------|---|---------------|--|--|
|     |                    |   |               | <p>kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.</p>  |  |
| 21  | 7460108_NN         | Nhóm ngành Khoa học dữ liệu (CT:40), Thống kê (CT:40) | 80            | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh</p> <p>B00: Toán – Hóa học – Sinh học</p> <p>B08: Toán – Sinh học – Tiếng Anh</p> <p>D01: Toán – Ngữ Văn – Tiếng Anh</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH   | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN  | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)  |
|-----|--------------------|---|---------------|--|--|
|     |                    |   |               | <p>thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.</p>   | <p>X06: Toán – Vật lý – Tin học</p>  |
| 22  | 7460108_DKD        | <p>Khoa học dữ liệu (Chương trình tăng cường tiếng Anh) (dự kiến)</p> | 60            | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 1b:</b> Xét tuyển dành cho thí sinh có quốc tịch nước ngoài</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh</p> <p>B00: Toán – Hóa học – Sinh học</p> <p>B08: Toán – Sinh học – Tiếng Anh</p> <p>D01: Toán – Ngữ Văn – Tiếng Anh</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH                      | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN   | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)  |
|-----|--------------------|--|---------------|---|--|
|     |                    |  |               | thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.   | X06: Toán – Vật lý – Tin học   |
| 23  | 7480101_TT         | Khoa học máy tính (Chương trình Tiên tiến) | 90            | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 1b:</b> Xét tuyển dành cho thí sinh có quốc tịch nước ngoài</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh</p> <p>B08: Toán – Sinh học – Tiếng Anh</p> <p>D07: Toán – Hóa học – Tiếng Anh</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN  | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)                        |
|-----|--------------------|-----------------------|---------------|--|--|
|     |                    |                       |               | <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.</p> | <p>X06: Toán – Vật lý – Tin học</p> <p>X26: Toán – Tin học – Tiếng Anh</p> |
| 24  | 7480107            | Trí tuệ nhân tạo      | 90            | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p>  | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh</p>  |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH                                   | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN  | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)   |
|-----|--------------------|---|---------------|--|---|
|     |                    |   |               | <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.</p> | <p>B08: Toán – Sinh học – Tiếng Anh</p> <p>D07: Toán – Hóa học – Tiếng Anh</p> <p>X06: Toán – Vật lý – Tin học</p> <p>X26: Toán – Tin học – Tiếng Anh</p> |
| 25  | 7480201_DKD        | Công nghệ thông tin (Chương trình tăng cường tiếng Anh) | 530           | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p>  | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh</p>   |

| STT | MÃ NGÀNH<br>XÉT TUYỂN | TÊN<br>NGÀNH,<br>NHÓM<br>NGÀNH | CHỈ<br>TIÊU<br>2026 | PHƯƠNG<br>THỨC<br>XÉT<br>TUYỂN   | MÃ – TỔ<br>HỢP XÉT<br>TUYỂN HỌC<br>BẠ / ĐIỂM<br>THI THPT<br>(2026)  |
|-----|-----------------------|--------------------------------|---------------------|--|---|
|     |                       |                                |                     | <p><b>Phương thức 1b:</b> Xét tuyển dành cho thí sinh có quốc tịch nước ngoài</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.</p> | <p>B08: Toán – Sinh học – Tiếng Anh</p> <p>D07: Toán – Hóa học – Tiếng Anh</p> <p>X06: Toán – Vật lý – Tin học</p> <p>X26: Toán – Tin học – Tiếng Anh</p> |

| STT | MÃ NGÀNH<br>XÉT TUYỂN | TÊN<br>NGÀNH,<br>NHÓM<br>NGÀNH  | CHỈ<br>TIÊU<br>2026 | PHƯƠNG<br>THỨC<br>XÉT<br>TUYỂN   | MÃ – TỔ<br>HỢP XÉT<br>TUYỂN HỌC<br>BẠ / ĐIỂM<br>THI THPT<br>(2026)  |
|-----|-----------------------|---|---------------------|--|---|
| 26  | 7480201_NN            | Nhóm ngành máy tính và Công nghệ thông tin (CNTT, Kỹ thuật phần mềm, Hệ thống thông tin, Khoa học máy tính) | 490                 | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh</p> <p>B08: Toán – Sinh học – Tiếng Anh</p> <p>D07: Toán – Hóa học – Tiếng Anh</p> <p>X06: Toán – Vật lý – Tin học</p> <p>X26: Toán – Tin học – Tiếng Anh</p> |

| STT | MÃ NGÀNH<br>XÉT TUYỂN | TÊN<br>NGÀNH,<br>NHÓM<br>NGÀNH  | CHỈ<br>TIÊU<br>2026 | PHƯƠNG<br>THỨC<br>XÉT<br>TUYỂN  | MÃ – TỔ<br>HỢP XÉT<br>TUYỂN HỌC<br>BẠ / ĐIỂM<br>THI THPT<br>(2026)  |
|-----|-----------------------|---|---------------------|---|---|
| 27  | 7510401_DKD           | Công<br>nghệ kỹ<br>thuật Hoá<br>học<br>(Chương<br>trình tăng<br>cường<br>tiếng Anh) | 155                 | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 1b:</b> Xét tuyển dành cho thí sinh có quốc tịch nước ngoài</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>B00: Toán – Hóa học – Sinh học</p> <p>C02: Toán – Hóa học – Ngữ văn</p> <p>D07: Toán – Hóa học – Tiếng Anh</p> <p>X11: Toán – Hóa học – Công nghệ công nghiệp</p> <p>X12: Toán – Hóa học – Công nghệ nông nghiệp</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN   | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)   |
|-----|--------------------|-----------------------|---------------|---|---|
|     |                    |                       |               | điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.  |   |
| 28  | 7510402            | Công nghệ Vật liệu    | 180           | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh</p> <p>B00: Toán – Hóa học – Sinh học</p> <p>C01: Toán – Ngữ văn – Vật lý</p> <p>C02: Toán – Hóa học – Ngữ văn</p> <p>D07: Toán – Hóa học – Tiếng Anh</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH  | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN   | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)   |
|-----|--------------------|--|---------------|---|---|
|     |                    |  |               | 03 năm lớp 10, 11, 12.  |   |
| 29  | 7510402_DKD        | Công nghệ Vật liệu (Chương trình tăng cường tiếng Anh) (dự kiến) | 60            | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 1b:</b> Xét tuyển dành cho thí sinh có quốc tịch nước ngoài</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh</p> <p>B00: Toán – Hóa học – Sinh học</p> <p>C01: Toán – Ngữ văn – Vật lý</p> <p>C02: Toán – Hóa học – Ngữ văn</p> <p>D07: Toán – Hóa học – Tiếng Anh</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH         | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN  | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)   |
|-----|--------------------|-------------------------------|---------------|--|---|
|     |                    |                               |               | chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.   |   |
| 30  | 7510406            | Công nghệ Kỹ thuật Môi trường | 125           | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>B00: Toán – Sinh học – Hóa học</p> <p>B08: Toán – Sinh học – Tiếng Anh</p> <p>D07: Toán – Hóa học – Tiếng Anh</p> <p>X10: Toán – Hóa học – Tin học</p> <p>X14: Toán – Sinh học – Tin học</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH         | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN  | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)   |
|-----|--------------------|-------------------------------|---------------|--|---|
|     |                    |                               |               | 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.  |   |
| 31  | 7520207            | Kỹ thuật điện tử – viễn thông | 150           | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh</p> <p>A02: Toán – Vật lý – Sinh học</p> <p>B08: Toán – Tiếng Anh – Sinh học</p> <p>X06: Toán – Vật lý – Tin học</p> <p>X26: Toán – Tiếng Anh – Tin học</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN   | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)   |
|-----|--------------------|-----------------------|---------------|---|---|
|     |                    |                       |               | <p>ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.</p>  |   |
| 32  | 75202a1            | Thiết kế vi mạch      | 80            | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh</p> <p>A02: Toán – Vật lý – Sinh học</p> <p>B08: Toán – Tiếng Anh – Sinh học</p> <p>X06: Toán – Vật lý – Tin học</p> <p>X26: Toán – Tiếng Anh – Tin học</p> |

| STT | MÃ NGÀNH<br>XÉT TUYỂN | TÊN<br>NGÀNH,<br>NHÓM<br>NGÀNH  | CHỈ<br>TIÊU<br>2026 | PHƯƠNG<br>THỨC<br>XÉT<br>TUYỂN  | MÃ – TỔ<br>HỢP XÉT<br>TUYỂN HỌC<br>BẠ / ĐIỂM<br>THI THPT<br>2026)   |
|-----|-----------------------|---|---------------------|---|---|
|     |                       |   |                     | <p>ngành với<br/>điểm học bạ<br/>03 năm lớp<br/>10, 11, 12.</p>   |   |
| 33  | 7520207_DKD           | Kỹ thuật<br>điện tử –<br>viễn thông<br>(Chương<br>trình tăng<br>cường<br>tiếng Anh) | 120                 | <p><b>Phương<br/>thức<br/>1a:</b> Tuyển<br/>thắng và ưu<br/>tiên xét<br/>tuyển theo<br/>Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương<br/>thức 1b:</b> Xét<br/>tuyển dành<br/>cho thí sinh<br/>có quốc tịch<br/>nước ngoài</p> <p><b>Phương<br/>thức 2:</b> Xét<br/>tuyển dựa<br/>trên phương<br/>thức kết hợp<br/>kết quả kỳ<br/>thi tốt<br/>nghiệp<br/>THPT năm<br/>2026 hay<br/>kết quả kỳ<br/>thi đánh giá<br/>năng lực do</p> | <p>A00: Toán –<br/>Vật lý – Hóa<br/>học</p> <p>A01: Toán –<br/>Vật lý – Tiếng<br/>Anh</p> <p>A02: Toán –<br/>Vật lý – Sinh<br/>học</p> <p>B08: Toán –<br/>Tiếng Anh –<br/>Sinh học</p> <p>X06: Toán –<br/>Vật lý – Tin<br/>học</p> <p>X26: Toán –<br/>Tiếng Anh –<br/>Tin học</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN   | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)  |
|-----|--------------------|-----------------------|---------------|---|--|
|     |                    |                       |               | ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.  |  |
| 34  | 7520402            | Kỹ thuật hạt nhân     | 60            | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh</p> <p>A02: Toán – Vật lý – Sinh học</p> <p>A03: Toán – Vật lý – Lịch Sử</p> <p>C01: Toán – Vật lý – Ngữ Văn</p> <p>X06: Toán – Vật lý – Tin học</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN   | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)  |
|-----|--------------------|-----------------------|---------------|---|--|
|     |                    |                       |               | HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.   |  |
| 35  | 7520403            | Vật lý y khoa         | 40            | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh</p> <p>A02: Toán – Vật lý – Sinh học</p> <p>A03: Toán – Vật lý – Lịch Sử</p> <p>C01: Toán – Vật lý – Ngữ Văn</p> <p>X06: Toán – Vật lý – Tin học</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH                                       | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN   | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)  |
|-----|--------------------|---|---------------|---|--|
|     |                    |   |               | chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.  |  |
| 36  | 7520403_DKD        | Vật lý y khoa (chương trình tăng cường tiếng Anh) (dự kiến) | 40            | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 1b:</b> Xét tuyển dành cho thí sinh có quốc tịch nước ngoài</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh</p> <p>A02: Toán – Vật lý – Sinh học</p> <p>A03: Toán – Vật lý – Lịch Sử</p> <p>C01: Toán – Vật lý – Ngữ Văn</p> <p>X06: Toán – Vật lý – Tin học</p> |

| STT | MÃ NGÀNH<br>XÉT TUYỂN | TÊN<br>NGÀNH,<br>NHÓM<br>NGÀNH | CHỈ<br>TIÊU<br>2026 | PHƯƠNG<br>THỨC<br>XÉT<br>TUYỂN   | MÃ – TỔ<br>HỢP XÉT<br>TUYỂN HỌC<br>BẠ / ĐIỂM<br>THI THPT<br>(2026)   |
|-----|-----------------------|--------------------------------|---------------------|--|--|
|     |                       |                                |                     | kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.   |  |
| 37  | 7520501               | Kỹ thuật địa chất              | 35                  | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>A07: Toán – Lịch sử – Địa lý</p> <p>C01: Toán – Ngữ văn – Vật lý</p> <p>C04: Toán – Ngữ văn – Địa lý</p> <p>D01: Toán – Ngữ văn – Tiếng Anh</p> |

| STT | MÃ NGÀNH<br>XÉT TUYỂN | TÊN<br>NGÀNH,<br>NHÓM<br>NGÀNH   | CHỈ<br>TIÊU<br>2026 | PHƯƠNG<br>THỨC<br>XÉT<br>TUYỂN  | MÃ – TỔ<br>HỢP XÉT<br>TUYỂN HỌC<br>BẠ / ĐIỂM<br>THI THPT<br>(2026)  |
|-----|-----------------------|----------------------------------|---------------------|---|---|
|     |                       |                                  |                     | <p>thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.</p>  | <p>D10: Toán – Địa lý – Tiếng Anh</p>   |
| 38  | 7850101               | Quản lý tài nguyên và môi trường | 110                 | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>B00: Toán – Sinh học – Hóa học</p> <p>D07: Toán – Hóa học – Tiếng Anh</p> <p>B08: Toán – Sinh học – Tiếng Anh</p> <p>X10: Toán – Hóa học – Tin học</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN   | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026)   |
|-----|--------------------|-----------------------|---------------|---|---|
|     |                    |                       |               | năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.  | X14: Toán – Sinh học – Tin học  |
| 39  | 7140103            | Công nghệ giáo dục    | 100           | <p><b>Phương thức 1a:</b> Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Bộ GDĐT</p> <p><b>Phương thức 2:</b> Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do</p> | <p>A00: Toán – Vật lý – Hóa học</p> <p>A01: Toán – Vật lý – Tiếng Anh</p> <p>B00: Toán – Hóa học – Sinh học</p> <p>C01: Toán – Ngữ văn – Vật lý</p> <p>D01: Toán – Ngữ văn – Tiếng Anh</p> <p>D07: Toán – Hóa học – Tiếng Anh</p> |

| STT | MÃ NGÀNH XÉT TUYỂN | TÊN NGÀNH, NHÓM NGÀNH | CHỈ TIÊU 2026 | PHƯƠNG THỨC XÉT TUYỂN  | MÃ – TỔ HỢP XÉT TUYỂN HỌC BẠ / ĐIỂM THI THPT (2026) |
|-----|--------------------|-----------------------|---------------|--|---|
|     |                    |                       |               | ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 theo ngành/nhóm ngành với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12. |   |

**Lưu ý:**

- **Phương thức 1a:** Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo quy định của Bộ GDĐT sẽ được xét tuyển sớm theo kế hoạch của Bộ GDĐT;
- Các phương thức còn lại khác với **Phương thức 1a** trên sẽ xét tuyển chung thời điểm với **Phương thức 2** – Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12.

**4. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM**

**a. Các điều kiện sử dụng trong xét tuyển và ngưỡng đầu vào**

- Tất cả thí sinh (bao gồm cả thí sinh được xét tuyển thẳng) phải thực hiện đăng ký xét tuyển (ĐKXT) trực tuyến, đăng ký tất cả nguyện vọng xét tuyển (NVXT) trên Hệ thống hỗ trợ tuyển sinh chung của Bộ GDĐT và nộp lệ phí xét tuyển trực tuyến trên Hệ thống theo quy định của Bộ GDĐT.
- Điểm cộng đối với giải thưởng học thuật chỉ được xét và công nhận khi thí sinh gửi minh chứng về cho Trường theo đúng thời gian quy định trong thông báo tuyển sinh ứng với từng phương thức xét tuyển để Trường thực hiện công tác rà soát. Tất cả trường hợp minh chứng gửi sau thời gian quy định và Trường không kịp thời thực hiện rà soát thì sẽ không công nhận điểm cộng cho thí sinh.

- Thí sinh có nguyện vọng đăng ký xét tuyển bắt buộc phải khai thông tin, nộp hồ sơ đầy đủ theo quy định trong thông báo tuyển sinh ứng với phương thức xét tuyển để Trường thực hiện xét tuyển/sơ tuyển/cộng điểm thưởng. Thí sinh khai báo chính xác và chịu trách nhiệm thông tin khai báo của mình.
- Tất cả chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tiếng Anh (TOEFL iBT hay IELTS) **chỉ được quy đổi sang điểm môn tiếng Anh (chỉ áp dụng đối với các tổ hợp có môn tiếng Anh)** của kết quả kỳ thi THPT 2026 trong **Phương thức 2)** khi thí sinh gửi minh chứng về cho Trường theo đúng thời gian quy định của Thông báo tuyển sinh đối với từng phương thức. Đối với **Phương thức 2**, chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tiếng Anh (TOEFL iBT hay IELTS) được quy đổi từ mức 4.5 trở lên theo quy định tại **mục 4.d** dưới đây.
- Đối với xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo quy chế tuyển sinh đại học chính quy hiện hành của Bộ GDĐT (**Phương thức 1a**), ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, điều kiện ĐKXT áp dụng theo quy định của Bộ GDĐT.
- Đối với thí sinh là người có quốc tịch nước ngoài và tốt nghiệp THPT theo chương trình của nước ngoài thì xét tuyển dựa trên chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (tiếng Anh) kết hợp với kết quả học tập THPT.
- Đối với xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12 (**Phương thức 2**) ngưỡng đảm bảo chất lượng sẽ được Hội đồng tuyển sinh Trường quyết định và công bố sau khi có điểm kỳ thi tốt nghiệp THPT để thí sinh điều chỉnh theo kế hoạch tuyển sinh chung của Bộ GDĐT.
- Ngoài ra, đối với thí sinh đăng ký vào Ngành Thiết kế vi mạch, Ngành Công nghệ bán dẫn theo Quy định 2101/QĐ-BGDĐT ngày 22/7/2025 của Bộ GDĐT về Chuẩn chương trình đào tạo về vi mạch bán dẫn trình độ đại học, thạc sĩ, ngưỡng đảm bảo chất lượng của thí sinh khi đăng ký phải đạt thêm các điều kiện như sau:
  - Nếu thí sinh đăng ký xét tuyển theo **Phương thức 1a** và **Phương thức 1b** thì thí sinh cần có điểm trung bình cộng môn Toán 03 năm lớp 10, 11, 12 có giá trị lớn hơn hay bằng 20% điểm cao nhất môn Toán toàn quốc trong kỳ thi THPT 2026.
  - Nếu thí sinh đăng ký xét tuyển theo **Phương thức 2** thì thí sinh cần điểm thi môn Toán có giá trị lớn hơn hay bằng 20% điểm cao nhất môn Toán toàn quốc trong kỳ thi THPT 2026 và tổng điểm tổ hợp 03 môn xét tuyển lớn hơn hay bằng mức điểm nằm trong 25% tổng điểm cao nhất toàn quốc của các tổ hợp 03 môn xét tuyển.

Hoặc

- Trong trường hợp thí sinh không có dự thi THPT 2026 thì thí sinh có điểm trung bình cộng môn Toán 03 năm lớp 10, 11, 12 có giá trị lớn hơn hay bằng 20% điểm cao nhất môn Toán toàn quốc trong kỳ thi THPT 2026 và đạt mức điểm đánh giá năng lực do ĐHQG- HCM tổ chức năm 2026 khi quy đổi sang thang điểm 30 lớn hơn hay bằng mức điểm nằm trong 25% tổng điểm cao nhất toàn quốc của các tổ hợp 03 môn xét tuyển.

## b. Điểm cộng

Điểm cộng áp dụng cho thí sinh có nguyện vọng đăng ký xét tuyển các **phương thức 1b**, và **phương thức 2** được quy định cụ thể tại các thông báo chi tiết của các phương thức tương ứng. Thông tin chung về điểm cộng như sau:

- Môn đoạt giải được cộng điểm:
  - Thí sinh đoạt giải các môn sau đều được điểm cộng: Toán học, Vật lý học, Hóa học, Sinh học, Tin học, Trí tuệ nhân tạo (Kỳ thi Olympic Trí tuệ nhân tạo toàn quốc VOAI/quốc tế), Tiếng Anh.
  - Riêng thí sinh đoạt giải môn Địa lý thì được cộng điểm vào các ngành/nhóm ngành như sau: Hải dương học, Nhóm ngành Địa chất học, Kinh tế đất đai, Kỹ thuật địa chất, Khoa học Môi trường, Công nghệ kỹ thuật môi trường, Quản lý tài nguyên môi trường.
- Điểm cộng cơ sở theo giải thưởng học thuật, thành tích học tập hay thành tích đặc biệt của thí sinh sẽ được thông báo cụ thể trong thông báo tuyển sinh của Trường trong đó điểm cộng cơ sở tối đa là 5% trên thang điểm tối đa của Điểm xét tuyển.
- Đối với các giải học thuật quốc tế khác sẽ do Hội đồng tuyển sinh xem xét và quyết định mức cộng điểm tương ứng với các giải trên theo quy định của Bộ GDĐT và ĐHQG-HCM.
- Công thức tính điểm cộng (Trường hợp đối với thang 30 thì Điểm cộng cơ sở tối đa là 1,5)
  - Điểm cộng bằng Điểm cộng cơ sở đối với thí sinh có tổng điểm nhỏ hơn 28,5 điểm.
  - Điểm cộng đối với thí sinh có tổng điểm từ 28,5 trở lên được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm cộng} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được của thí sinh}) / 1.5] * \text{Điểm cộng cơ sở}$$

### c. Tiêu chí phân ngành

- Đối với Nhóm ngành Vật lý học (Vật lý học, Công nghệ vật lý điện tử và tin học), Nhóm ngành Địa chất (Địa chất, Kinh tế đất đai): sinh viên học hết năm thứ nhất sau đó dựa trên kết quả học tập của sinh viên năm thứ nhất để phân ngành.
- Đối với Nhóm ngành Khoa học dữ liệu (Khoa học dữ liệu, Thống kê): sinh viên học hết năm thứ hai sau đó dựa trên kết quả học tập của sinh viên năm thứ nhất và năm thứ hai để phân ngành.
- Đối với Nhóm ngành Toán học, Nhóm ngành Máy tính và công nghệ thông tin: sinh viên học hết năm thứ nhất, năm thứ hai (có thể thêm học kỳ 1 năm thứ ba) sau đó dựa trên kết quả học tập của sinh viên năm thứ nhất, năm thứ hai (có thể thêm học kỳ 1 năm thứ ba) để phân ngành.

### d. Các thông tin khác: cách quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế tiếng Anh TOEFL iBT/ IELTS sang thang 10.

| <b>BẢNG ĐIỂM QUY ĐỔI CHỨNG CHỈ NGOẠI NGỮ QUỐC TẾ TOEFL iBT/ IELTS*<br/>KHÓA TUYỂN 2026</b> |                                  |                   |   |
|--|----------------------------------|-------------------|---|
| <b>TOEFL iBT Score<br/>(0–120)</b>   | <b>TOEFL iBT Score<br/>(0–6)</b> | <b>IELTS Band</b> | <b>Điểm ngoại ngữ quy đổi<br/>trên thang 10</b> |
| 118-120  | 6                                | 9.0               | 10  |
| 115-117  | -                                | 8.5               |   |
| 110-114  | 5.5                              | 8.0               |   |
| 107-109  | -                                | 7.5               | 9,75  |
| 96-106   | 5                                | 7.0               | 9,5   |
| 79-95  | 4.5                              | 6.5               | 9,0   |
| 60-78  | 4                                | 6.0               | 8,5   |
| 46-59  | 3.5                              | 5.5               | 8,0   |
| 35-45  | 3-2.5                            | 5.0               | 7,5   |
| 32-34  | 2                                | 4.5               | 7,0   |

\*Chứng chỉ còn giá trị sử dụng tối thiểu đến ngày **30/8/2026**.

### 5. Tổ chức thực hiện tuyển sinh

#### Phương thức 1:

- **Phương thức 1a:** Xét tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển theo Điều 8 Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và

Đào tạo về việc ban hành Quy chế Tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non và các văn bản liên quan. Lưu ý mỗi ngành / nhóm ngành xét tuyển sẽ có quy định về thứ tự ưu tiên cho các loại giải thưởng và thứ hạng giải thưởng được xét.

- **Phương thức 1b:** Xét tuyển dành cho thí sinh có quốc tịch nước ngoài và tốt nghiệp THPT của nước ngoài
- Điểm xét tuyển đối với diện Ưu tiên xét tuyển thẳng theo quy định của ĐHQG-HCM được tính theo công thức như sau:

$$\text{Điểm\_xét\_tuyển} = \text{ĐTB} + \text{ĐC} \quad (1)$$

Trong đó:

- ĐTB: Tổng điểm trung bình cộng kết quả học tập 03 năm lớp 10, 11 và 12 (hay kết quả học tập của 03 năm học cuối cấp THPT của thí sinh).
- ĐC: Điểm cộng được quy định tại [mục 4.b](#)
- Trong trường hợp thí sinh có mức Điểm xét tuyển bằng nhau mà phải lựa chọn, Hội đồng tuyển sinh sẽ căn cứ vào bài luận xét tuyển của thí sinh.

### **Phương thức 2:**

Xét tuyển dựa trên phương thức kết hợp kết quả kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2026 hay kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026 với điểm học bạ 03 năm lớp 10, 11, 12

$$\text{Điểm\_xét\_tuyển} = \text{Điểm\_học\_lực} + \text{Điểm\_cộng} + \text{Điểm\_ưu\_tiên} \quad (2)$$

Trong đó:

- Trường hợp 1: Đối với thí sinh có điểm thi THPT 2026

$$\text{Điểm\_học\_lực}_1 = w1 \times \text{Điểm\_THPT} + w2 \times \text{Điểm\_học\_bạ} \quad (3)$$

- Trường hợp 2: Đối với thí sinh có điểm kết quả kỳ thi đánh giá năng lực do ĐHQG-HCM tổ chức năm 2026

$$\text{Điểm\_học\_lực}_2 = w3 \times \text{Điểm\_ĐGNL} + w4 \times \text{Điểm\_học\_bạ} \quad (4)$$

Điểm\_học\_lực của (2) sẽ được tính là :

$$\text{Điểm\_học\_lực} = \max(\text{Điểm\_học\_lực}_1, \text{Điểm\_học\_lực}_2) \quad (5)$$

Trong các công thức trên, chi tiết các điểm thành phần được giải thích như sau:

- Điểm\_học\_bạ là tổng điểm trung bình trong học bạ của ba năm lớp 10, 11, 12 của 03 môn nằm trong một tổ hợp của ngành / nhóm ngành (xem mục 3) có giá trị lớn nhất trong số các tổ hợp xét tuyển của ngành / nhóm ngành. Điểm\_học\_bạ tính theo thang 30 điểm. Tổ hợp có đủ điểm 03 năm lớp 10, 11, 12 được ưu tiên lựa chọn đầu tiên để tính trong công thức (3) và công thức (4). Trong trường hợp sau khi xét tất cả tổ hợp nhưng thí sinh không có tổ hợp nào có đủ 03 môn cho 03 năm học lớp 10, 11, 12, thì điểm của 01 năm lớp 10 bị thiếu sẽ được quy đổi bằng trung bình điểm của 02 năm lớp 11 và lớp 12. Trong trường hợp kết quả học tập của thí sinh không có tổ hợp môn nào có đủ 03 năm lớp 10, 11, 12 hay tổ hợp môn đủ 02 năm lớp 11, 12 thì Điểm\_học\_bạ và Điểm\_học\_lực sẽ được chọn là 0 điểm vì hồ sơ xét tuyển không hợp lệ.
- Điểm\_THPT là tổng điểm 03 môn trong kỳ thi THPT 2026 của một tổ hợp có giá trị lớn nhất trong các tổ hợp xét tuyển của ngành / nhóm ngành (mục 3). Điểm THPT tính theo thang 30 điểm. Điểm quy đổi tiếng Anh của chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế (TOEFL iBT hay IELTS) chỉ được áp dụng cho tổ hợp môn sử dụng kết quả thi THPT trong đó có môn tiếng Anh.
- Điểm\_ĐGNL là điểm thi ĐGNL lớn nhất của thí sinh trong 02 kỳ thi ĐGNL ĐHQG-HCM trong năm 2026. Điểm\_ĐGNL được quy đổi về thang 30 điểm để tính Điểm\_học\_lực theo công thức như sau:

$$\text{Điểm\_ĐGNL} = (\text{Điểm thi ĐGNL} / \text{Max\_Điểm\_thi\_ĐGNL}) \times 30 \quad (6)$$

Trong đó Max\_Điểm\_thi\_ĐGNL là điểm thi lớn nhất xét trên tất cả thí sinh được công bố công khai của 02 đợt thi ĐGNL chính thức do ĐHQG-HCM tổ chức trong năm 2026 (không tính các kì thi bổ sung nếu có). Điểm\_ĐGNL trong công thức (4) và (5) là điểm thi lớn nhất của từng thí sinh tham gia xét tuyển vào Trường có được sau 02 đợt thi ĐGNL trong năm 2026.

- Điểm\_cộng là điểm cộng được tính dựa trên mục 4.b, lưu ý thí sinh chỉ được cộng 01 loại điểm cộng có mức điểm cao nhất.
- Điểm\_ưu\_tiên là điểm ưu tiên khu vực đối tượng đối với thí sinh đạt tổng điểm từ 22,5 trở lên (khi quy đổi về điểm theo thang 30) được xác định theo công thức sau:

$$\text{Điểm\_ưu\_tiên} = [(30 - \text{Tổng điểm đạt được}) / 7,5] \times \text{Mức điểm ưu tiên KVĐT theo quy định của Bộ GDĐT} \quad (7)$$

Trong đó

$$\text{Tổng điểm đạt được} = \text{Điểm\_học\_lực} + \text{Điểm\_cộng} \quad (8)$$

- Các hệ số  $w_1, w_2, w_3, w_4$  được xác định miền giá trị dựa trên hệ số hàm hồi quy tuyến tính nội suy biến đầu ra là kết quả học tập đại học với các biến đầu vào là kết quả trúng tuyển theo điểm THPT, điểm ĐGNL kết hợp với điểm học bạ của thí sinh ở các năm trước, bên cạnh tác động điều chỉnh của phân phối điểm của kì thi THPT 2026 và kỳ thi ĐGNL do ĐHQG-HCM tổ chức trong năm 2026. Hội đồng tuyển sinh sẽ xác định các giá trị xác định  $w_1, w_2, w_3, w_4$  khi công bố ngưỡng đảm bảo chất lượng. Hiện nay miền giá trị của  $w_1, w_3$  được xác định là  $[0.7, 0.9]$  và miền giá trị của  $w_2, w_4$  là  $[0.1, 0.3]$
- Kết quả trúng tuyển của Phương thức 2 là Điểm\_xét\_tuyển\_công\_bố được chuẩn hóa trên thang điểm theo quy định của ĐHQG-HCM (lấy đến 2 chữ số thập phân):

$$\text{Điểm\_xét\_tuyển\_công\_bố} = \text{Thang\_điểm\_ĐHQG-HCM} \times (\text{Điểm\_xét\_tuyển} / 30) \quad (9)$$

## 6. Chính sách ưu tiên

a. Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển được thực hiện theo Phương thức 1 như trên: Tuyển thẳng, ưu tiên xét tuyển (**Phương thức 1a**) theo Thông tư 08/2022/TT-BGDĐT về việc ban hành quy chế tuyển sinh đại học chính quy ngày 6/6/2022 của Bộ GDĐT và các văn bản liên quan.

b. Xét tuyển thí sinh có quốc tịch nước ngoài và tốt nghiệp THPT theo chương trình nước ngoài: Thí sinh chịu trách nhiệm về tính chính xác của hồ sơ trong thời gian trước khi xác minh. Do thời gian xác minh các hồ sơ có yếu tố nước ngoài cần nhiều thời gian nên thí sinh sẽ được ưu tiên nhập học trước nếu trúng tuyển, trước khi hồ sơ được các cơ quan có trách nhiệm phản hồi kết quả.

## 7. Lệ phí tuyển sinh

Từ ngày 15/7 đến 17 giờ 00 ngày 21/7/2026 thí sinh phải nộp lệ phí xét tuyển theo số lượng nguyện vọng xét tuyển bằng hình thức trực tuyến theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

## 8. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh

(Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh)

- Trường hợp phương thức xét tuyển không thể tiến hành vì lý do bất khả kháng: Trường hợp vì lý do khách quan như thiên tai / dịch bệnh, Trường Đại học Khoa học tự nhiên không thể tổ chức phương thức xét tuyển theo thông báo mà thí sinh đã đăng ký. Trường sẽ cho thí sinh đã đăng ký xét tuyển bằng phương thức mà Trường không thể tổ chức, chuyển sang hình thức xét tuyển khác của phương thức xét tuyển bổ sung với chỉ tiêu tương đương với chỉ tiêu của phương thức không được tổ chức.
- Trường hợp thí sinh trúng tuyển nhưng không thể nhập học vì lý do bất khả kháng: Trường hợp vì lý do khách quan như thiên tai / dịch bệnh, thí sinh sau khi trúng tuyển vào trường nhưng không thể nhập học và thí sinh có nguyện vọng bảo lưu kết quả trúng tuyển đại học tại trường năm 2026, Trường Đại học Khoa học tự nhiên sẽ xem xét các trường hợp cụ thể và quyết định việc thực hiện bảo lưu kết quả trúng tuyển cho thí sinh theo quy định của Bộ GDĐT.
- Trường hợp thí sinh bị sai lệch hồ sơ dẫn đến ảnh hưởng kết quả trúng tuyển: Nếu việc sai lệch hồ sơ do lỗi thí sinh gây ra thì thí sinh tự chịu trách nhiệm theo quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT, tuy nhiên Trường sẽ hỗ trợ cho thí sinh trong khả năng cho phép. Trong trường hợp việc sai lệch do phía Trường gây ra thì Trường sẽ phối hợp các bên liên quan để giải quyết nhằm đảm bảo quyền lợi cho thí sinh.

## 9. Các nội dung khác

### Học bổng

Thí sinh trúng tuyển vào Trường được xét cấp các suất học bổng:

- Toàn phần (học phí suốt khóa đào tạo) với thí sinh đạt Giải nhất (cấp quốc gia), Huy chương Vàng, Bạc, Đồng (cấp quốc tế) trong Kỳ thi Olympic quốc tế, Kỳ thi học sinh giỏi quốc gia (các môn Toán, Lý, Hóa, Sinh, Tin học), Cuộc thi Khoa học kỹ thuật; với thí sinh có điểm trúng tuyển cao nhất trong kỳ xét tuyển;
- Các suất học bổng từ 50 – 100% học phí năm đầu tiên dành cho thí sinh có thành tích cao trong kỳ xét tuyển, hoặc điểm trúng tuyển cao theo quy định của Trường vào các ngành phục vụ mục tiêu phát triển bền vững và chiến lược quốc gia;
- Cùng nhiều loại học bổng khác dành cho tân sinh viên.

Ngoài ra, sinh viên của Trường sẽ được xét cấp học bổng khuyến khích học tập trong từng học kỳ dựa vào kết quả học tập và rèn luyện với giá trị từ 100% học phí của học kỳ trở lên; các loại học bổng tài trợ do cựu sinh viên Trường, đơn vị đối tác của Trường cấp và các hình thức hỗ trợ tài chính khác.

### Học phí

**(DỰ KIẾN) HỌC PHÍ KHÓA TUYỂN 2026**

| <b>STT</b> | <b>Tên ngành</b>   | <b>2026-2027 (Năm 1)</b> |
|------------|--|--------------------------|
| 1          | Sinh học   | 38,600,000               |
| 2          | Sinh học (CT TCTA)   | 54,600,000               |
| 3          | Công nghệ Sinh học   | 38,600,000               |
| 4          | Công nghệ Sinh học (CT TCTA)   | 54,600,000               |
| 5          | Vật lý học   | 32,600,000               |
| 6          | Vật lý học (CT TCTA)   | 50,800,000               |
| 7          | Công nghệ vật lý điện tử và tin học  | 38,600,000               |
| 8          | Công nghệ vật lý điện tử và tin học (CT TCTA) (dự kiến)  | <i>Dự kiến</i>           |
| 9          | Công nghệ bán dẫn  | 38,600,000               |
| 10         | Hoá học  | 38,600,000               |
| 11         | Hóa học (CT TCTA)  | 58,900,000               |
| 12         | Khoa học Vật liệu  | 38,600,000               |
| 13         | Khoa học Vật liệu (CT TCTA)  | 54,600,000               |
| 14         | Địa chất học   | 32,600,000               |
| 15         | Kinh tế đất đai  | 38,600,000               |
| 16         | Hải dương học  | 32,600,000               |
| 17         | Hải dương học (CT TCTA) (dự kiến)  | <i>Dự kiến</i>           |
| 18         | Khoa học Môi trường  | 32,600,000               |
| 19         | Khoa học Môi trường (CT TCTA)  | 54,600,000               |
| 20         | Toán học   | 40,500,000               |
| 21         | Toán ứng dụng  | 40,500,000               |
| 22         | Toán ứng dụng (CT TCTA) (dự kiến)  | <i>Dự kiến</i>           |
| 23         | Toán tin   | 40,500,000               |
| 24         | Toán tin (CT TCTA) (dự kiến)   | <i>Dự kiến</i>           |
| 25         | Khoa học Dữ liệu   | 40,500,000               |
| 26         | Khoa học dữ liệu (CT TCTA) (dự kiến)   | <i>Dự kiến</i>           |
| 27         | Thống kê   | 40,500,000               |
| 28         | Khoa học máy tính (CT Tiên tiến)   | 70,000,000               |
| 29         | Công nghệ thông tin (CT TCTA)  | 49,500,000               |
| 30         | Nhóm ngành máy tính và Công nghệ thông tin (ngành Công nghệ thông tin; ngành Kỹ thuật phần mềm; ngành Hệ thống thông tin; ngành Khoa học máy tính) | 40,500,000               |
| 31         | Trí tuệ nhân tạo   | 40,500,000               |
| 32         | Công nghệ kỹ thuật Hoá học (CT TCTA)   | 59,800,000               |
| 33         | Công nghệ Vật liệu   | 40,500,000               |
| 34         | Công nghệ Vật liệu (CT TCTA) (dự kiến)   | <i>Dự kiến</i>           |
| 35         | Công nghệ Kỹ thuật Môi trường  | 32,600,000               |
| 36         | Kỹ thuật điện tử - viễn thông  | 40,500,000               |
| 37         | Kỹ thuật điện tử - viễn thông (CT TCTA)  | 49,000,000               |
| 38         | Thiết kế vi mạch   | 40,500,000               |
| 39         | Kỹ thuật hạt nhân  | 32,600,000               |
| 40         | Vật lý Y khoa  | 37,000,000               |
| 41         | Vật lý Y khoa (CT TCTA) (dự kiến)  | <i>Dự kiến</i>           |
| 42         | Kỹ thuật Địa chất  | 32,600,000               |
| 43         | Quản lý tài nguyên và môi trường   | 32,600,000               |
| 44         | Công nghệ giáo dục   | 35,800,000               |